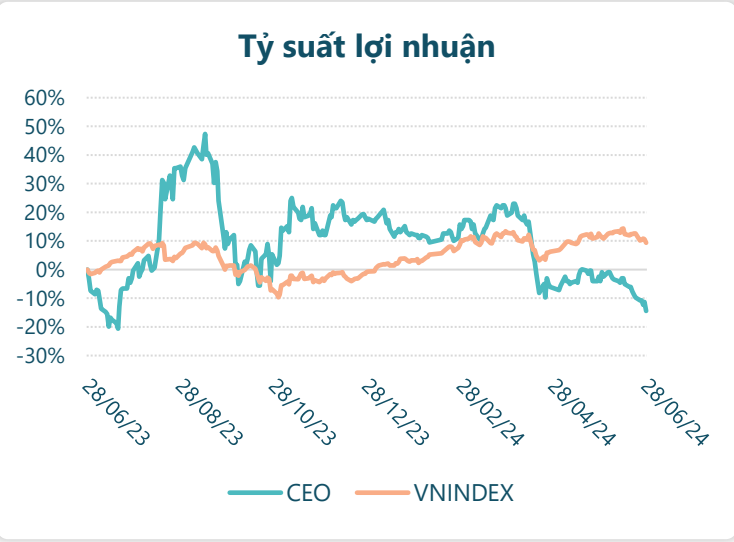


Ngày	16,500 VNĐ		
28/06/2024			
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-9.1%	-24.2%	-24.5%

Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	14,535 - 26,980
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	8,492
Số lượng CPLH (CP)	514,678,760
KLGD BQ 20 phiên (CP)	4,496,465
Sở hữu nước ngoài	4.8%
Beta	1.90
EPS	313
P/E	52.7



Doanh thu thuần
Q2/24

391

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 102 | 35.4%

YoY: ▲ 60.0 | 18.2%

Nợ/VCSH
Q2/24

43.5%

YoY: +/- ▼ 0.8%

LN gộp
Q2/24

100

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 9.40 | 10.9%

YoY: ▼ 8.00 | -7.0%

ROE (TTM)
Q2/24

3.2%

YoY: +/- ▲ 0.0%

LN trước thuế
Q2/24

38.3

tỷ VNĐ

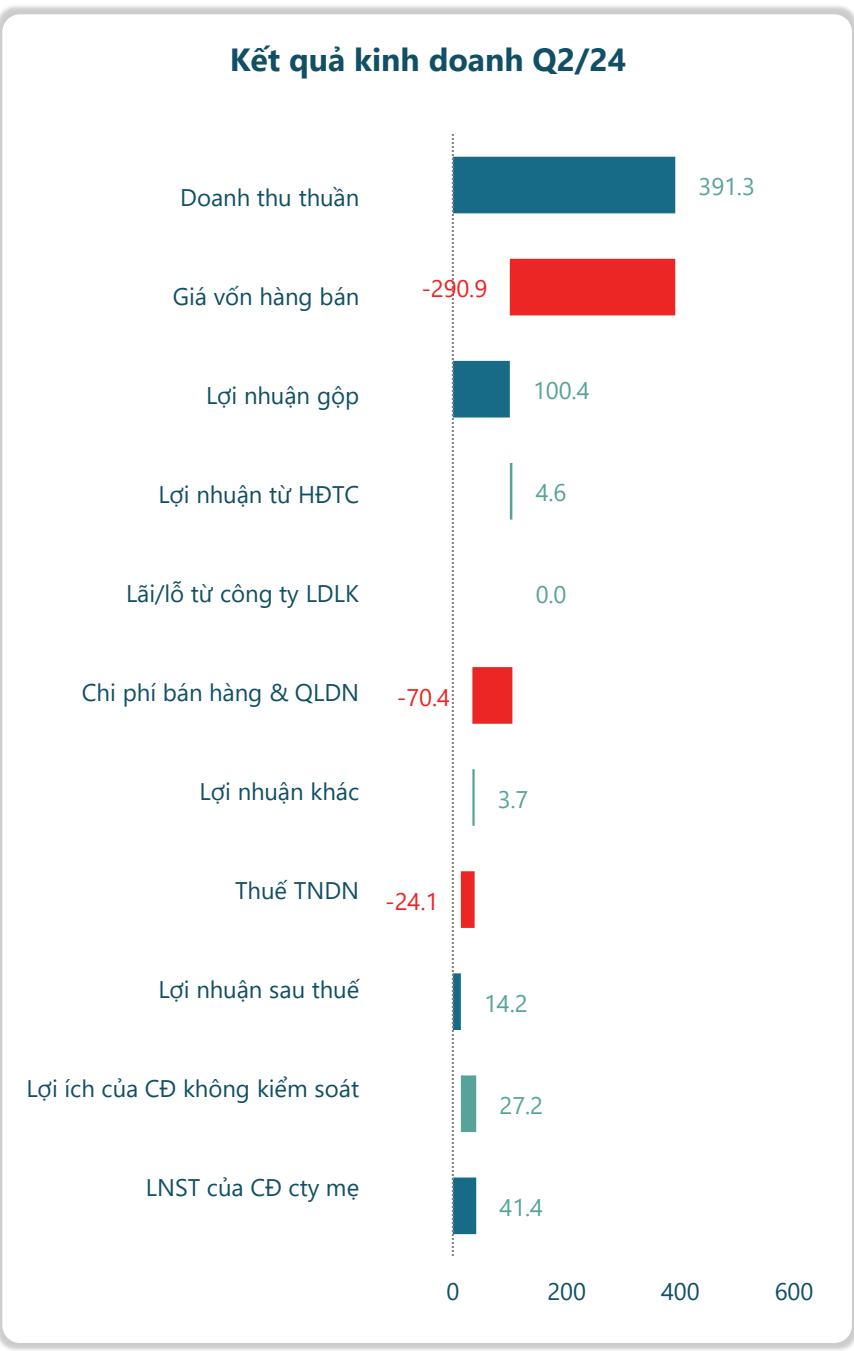
QoQ: ▼ 20.3 | -34.6%

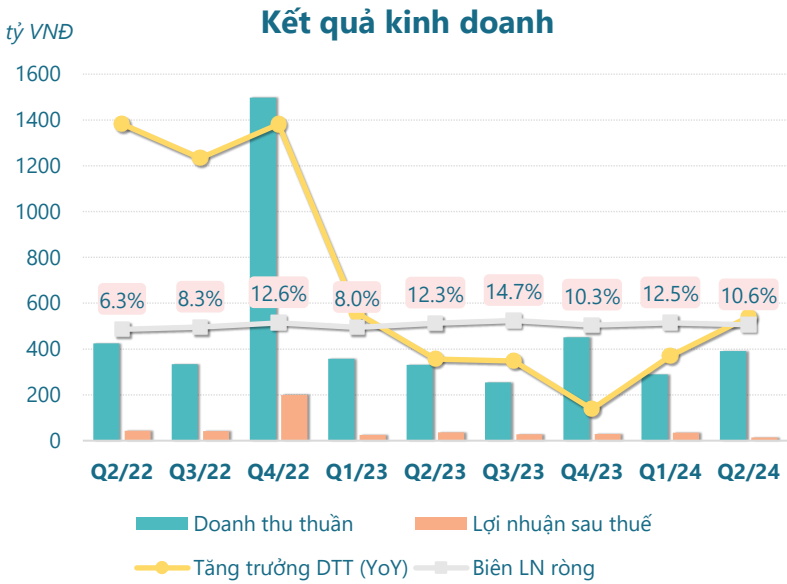
YoY: ▼ 16.5 | -30.1%

ROA (TTM)
Q2/24

2.0%

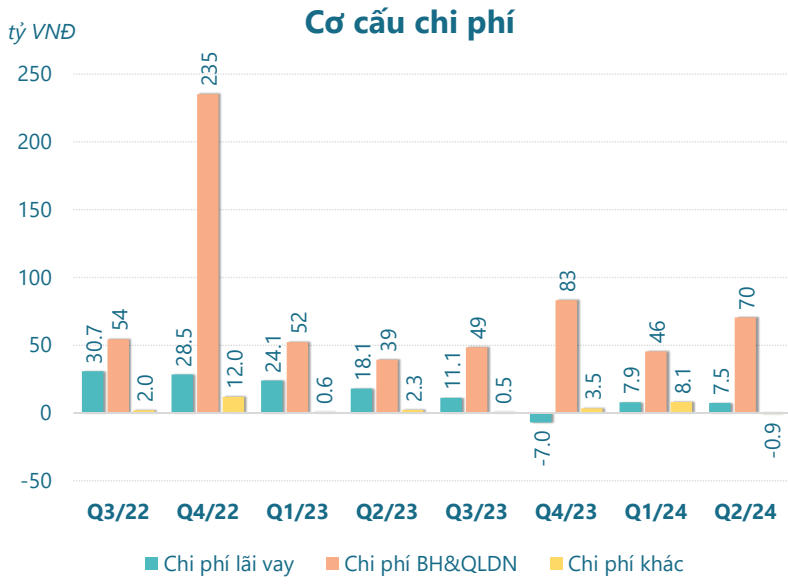
YoY: +/- ▼ 0.0%





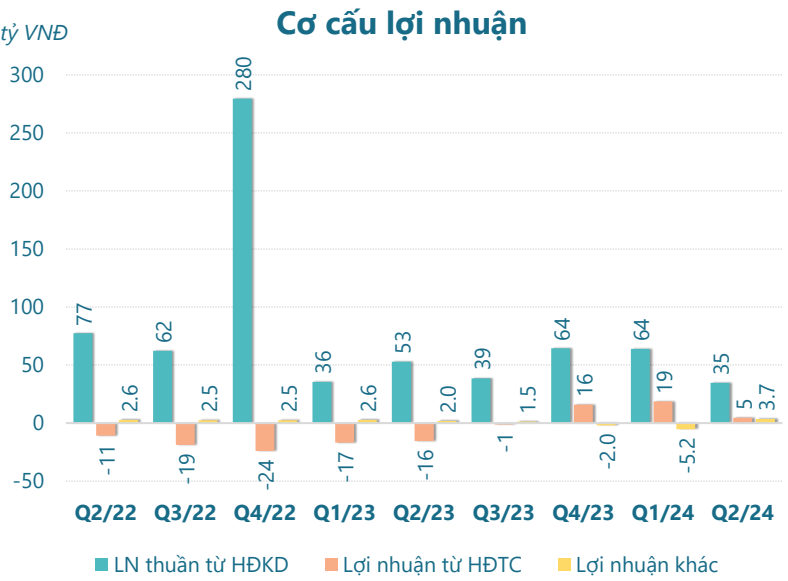
Tại quý II năm 2024, lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh ghi nhận **lãi 34.64 tỷ đồng**, giảm đi 45.7% so với kỳ trước và thấp hơn 34.4% so với cùng kỳ năm trước.

Lợi nhuận từ hoạt động tài chính **lãi 4.64 tỷ đồng**, giảm đi 75.3% so với kỳ trước và tăng thêm 20.21 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận khác **lãi 3.66 tỷ đồng**, tăng thêm 8.83 tỷ đồng so với kỳ trước và cao hơn 86.7% so với cùng kỳ năm trước.



Kết quả kinh doanh của **CEO** quý II năm 2024, doanh thu thuần đạt **391.3 tỷ đồng** tăng thêm **18.2%** so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lãi 14.23 tỷ đồng, giảm sút 60.9%** so với cùng kỳ năm trước.

Lũy kế 6 tháng đầu năm 2024, doanh thu thuần đạt **681.0 tỷ đồng** thấp hơn 1.02% so với cùng kỳ năm trước, lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lãi 50.00 tỷ đồng** thấp hơn 18.0% so với cùng kỳ năm trước.



Tại quý II, chi phí lãi vay bằng **7.54 tỷ đồng** giảm đi 4.92% so với kỳ trước và thấp hơn 58.3% so với cùng kỳ năm trước.

Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp bằng **70.43 tỷ đồng** tăng thêm 54.7% so với kỳ trước và cao hơn 79.5% so với cùng kỳ năm trước.

Chi phí khác bằng **-0.90 tỷ đồng** giảm đi 111% so với kỳ trước và thấp hơn 139% so với cùng kỳ năm trước.

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q1/24	Thay đổi QoQ	Q2/23	Thay đổi YoY	6T 2024	6T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	391	289	35.4%	331	18.2%	681	688	-1.1%
Giá vốn hàng bán	291	199	46.2%	224	29.9%	490	476	2.9%
Lợi nhuận gộp	100	90.6	10.9%	108	-7.0%	191	213	-10.2%
Doanh thu HĐTC	12.4	27.4	-54.6%	2.59	381%	39.8	9.68	311%
Chi phí TC	7.81	8.61	-9.3%	18.2	-57.1%	16.4	42.2	-61.1%
Chi phí lãi vay	7.54	7.93	-5.0%	18.1	-58.4%	15.5	42.1	-63.3%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	35.8	14.8	142%	15.2	136%	50.7	48.2	5.2%
Chi phí QLDN	34.6	30.7	12.7%	24.1	43.5%	65.3	43.5	50.2%
LN thuần từ HĐKD	34.6	63.8	-45.7%	52.8	-34.4%	98.5	88.5	11.3%
Lợi nhuận khác	3.66	-5.17	171%	1.96	86.7%	-1.51	4.54	-133%
LN trước thuế	38.3	58.6	-34.6%	54.8	-30.1%	96.9	93.0	4.2%
Lợi nhuận sau thuế	14.2	35.3	-59.7%	36.4	-60.9%	49.5	61.0	-18.8%
LNST của CĐ cty mẹ	41.4	36.2	14.4%	40.6	2.0%	77.6	69.3	11.8%

